

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/DS-ST

Ngày: 24/9/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hóa

2/ Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: B, ngách D Ngõ G Cầu G, Phường C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Lương Huyền C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền cho ngân hàng khởi kiện: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

Địa chỉ: B B đường N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Anh T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H – Chi nhánh C1.

Địa chỉ: Số A đường M, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Quách Trường G.

Địa chỉ: Số A M, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Phan Thanh H - Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH Đ (HCD) là bên mua lại khoản nợ của Phan Thanh H theo các Hợp đồng mua bán nợ số 800.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD ngày 27/06/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P và Công ty TNHH Đ. Nay Công ty Đ khởi kiện ông Phan Thanh H như sau: Ngân hàng TMCP P (Công ty TNHH Đ – Bên đã mua lại khoản vay) đã cho Ông Phan Thanh H vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023, số tiền vay 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 24/03/2023 đến ngày 24/03/2024). Phương thức trả nợ gốc trả cuối kỳ và lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Chi tiết về lịch trả nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7303/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/03/2023. Lãi suất vay: 13,5%/năm. Được quy định cụ thể trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7303/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/03/2023. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh cà phê và nước giải khát. Hợp đồng tín dụng số 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023, số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 12/09/2023 đến ngày 12/09/2028). Phương thức trả nợ: Gốc trả đều hàng tháng và lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Chi tiết về lịch trả nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23128/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 12/09/2023. Lãi suất vay 13,5%/năm. Được quy định cụ thể trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7303/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/03/2023. Mục đích vay tiêu dùng có TSBĐ – Mua sắm vật dụng gia đình. Ngoài ra, ngân hàng còn cho ông H vay Thẻ tín dụng không TSBĐ, hạn mức 30.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H đã thế chấp tài sản đảm bảo gồm Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Khu V, Phường H, Quận C, TP . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK335780, sổ vào sổ cấp GCN: VP13729 do VP Đăng ký đất đai Quận C cấp ngày 27/06/2023. Cập nhật CSH ngày 23/08/2023 (Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất HĐTC số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 28/08/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 15793/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 11/09/2023).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phan Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho H2 dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023 và 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023. Nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho công ty Đ số tiền tạm tính đến hết ngày 24/9/2025 là 1.529.037.408 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ tám đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023, giải ngân theo KUNN số 7303/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/03/2023; HĐTD số 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023, giải ngân theo KUNN số 23128/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 12/09/2023 và thẻ tín dụng và thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H2 (Công ty TNHH Đ) cho đến khi Ông Phan Thanh H thanh toán xong nợ.

Trường hợp Phan Thanh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Công ty TNHH Đ được quyền ưu tiên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 28/08/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 11/09/2023 giữa H2 – Chi nhánh C1 (Công ty TNHH Đ) và Phan Thanh H. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023 và 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023 thì Phan Thanh H phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ nêu trên cho Công ty TNHH Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho công ty Đ số tiền tạm tính đến hết ngày 24/9/2025 là 1.529.037.408 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ tám đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 theo hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023; Hợp đồng tín dụng số 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023 và thẻ tín dụng cho đến khi Ông Phan Thanh H thanh toán xong nợ. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bị đơn vắng mặt, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Đ Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Công ty TNHH Đ là bên nhận chuyển nhượng khoản nợ của ông Phan Thanh H từ Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng mua bán nợ số 800.06/2024/HĐMBN/HDB-HCD ngày 27/06/2024. Việc chuyển nhượng khoản nợ này là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo các Hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023 và số 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023 giữa ông Phan Thanh H và Ngân hàng TMCP P, ông H đã vay tổng số tiền 1.200.000.000 đồng, với các điều khoản về thời hạn vay, phương thức trả nợ, lãi suất và mục đích vay được quy định đúng với quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông H còn sử dụng thẻ tín dụng không tài sản bảo đảm với hạn mức 30.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, ông Phan Thanh H đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 28/08/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 15793/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 11/09/2023. Việc thế chấp tài sản bảo đảm là phù hợp với quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán, ông Phan Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 5 của các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến hết ngày 24/9/2025, số tiền ông H còn nợ là 1.529.037.408 đồng, chưa bao gồm khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận. Ông H phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ trên cho công ty Đ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 299, Điều 351, Điều 357, và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp ông Phan Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Công ty TNHH Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 28/08/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 15793/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 11/09/2023 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Phan Thanh H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với phần còn thiếu.

[3.2] Về chi phí thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu chi phí này. Do công ty TNHH Đ đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng nên ông H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Đ số tiền này.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu án dân sự sơ thẩm trên phần tiền buộc phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Đ là 1.529.037.408 đồng. Cụ thể phần tiền án phí ông H1 phải chịu là 57.871.122 đồng.

Công ty TNHH Đ được nhận tại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 335, Điều 342, Điều 365, Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều Luật 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Đ số tiền tạm tính đến hết ngày 24/9/2025 là 1.529.037.408 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ tám đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 theo các hợp đồng tín dụng số 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023; Hợp đồng tín dụng số 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023 và thẻ tín dụng cho đến khi Ông Phan Thanh H thanh toán xong nợ.

Trường hợp Phan Thanh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Công ty TNHH Đ được quyền ưu tiên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp được mô tả theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 28/08/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 15793/23MN/HĐBĐ ngày 11/09/2023 giữa H2 – Chi nhánh C1 (Công ty TNHH Đ) và Phan Thanh H. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng số: 7303/23MN/HĐTD ngày 24/03/2023 và 23128/23MN/HĐTD ngày 11/09/2023 thì ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ nêu trên cho Công ty TNHH Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 57.871.122 đồng. Công ty TNHH Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 25.000.000 đồng theo biên lai số 0004848 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Công TTĐT TAND TC (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua